

BÁO CÁO

**Rà soát các Nghị quyết của HĐND huyện về đầu tư xây dựng cơ bản
có liên quan đến nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Đại Lộc.

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-HĐND ngày 03/6/2025 của Thường trực HĐND huyện về tổ chức kỳ họp thứ 23 (kỳ họp tổng kết, đánh giá khi kết thúc hoạt động Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026), UBND huyện Đại Lộc báo cáo tình hình rà soát các Nghị quyết của HĐND huyện về đầu tư xây dựng cơ bản có liên quan đến nguồn ngân sách huyện, giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 cho 42 công trình và 9 Chương trình có tổng mức đầu tư 1.721.956 triệu đồng. Trong đó, ngân sách trung ương là 80.095 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 690.298 triệu đồng, ngân sách huyện là 885.571 triệu đồng, ngân sách xã, thị trấn, HTX là 65.991 triệu đồng, gồm:

(1) Dự án đầu tư có kế hoạch vốn là 1.175.806 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 443.797 triệu đồng, ngân sách huyện là 732.009 triệu đồng.

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 có kế hoạch vốn là 291.522 triệu đồng. Trong đó: ngân sách TW là 74.980 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 99.216 triệu đồng, ngân sách huyện là 77.318 triệu đồng, ngân sách xã là 40.007 triệu đồng.

(3) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025 có kế hoạch vốn là 6.323 triệu đồng. Trong đó: ngân sách TW là 5.115 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 614 triệu đồng, ngân sách huyện là 153 triệu đồng, ngân sách xã là 441 triệu đồng.

(4) Đề án Xây dựng Trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam có kế hoạch vốn là 71.717 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 47.932 triệu đồng, ngân sách huyện là 23.785 triệu đồng.

(5) Đề án Kiên cố hoá hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) có kế hoạch vốn là 96.665 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 40.770 triệu đồng, ngân sách huyện là 46.399 triệu đồng, ngân sách xã là 9.496 triệu đồng.

(6) Nghị quyết về quy định chính sách, hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiết kiệm có Tổng mức đầu tư là 13.495 triệu đồng. Trong đó,

ngân sách tỉnh 9.672 triệu đồng, ngân sách huyện 3.453 triệu đồng, ngân sách xã 370 triệu đồng.

(7) Nghị quyết về quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, tu bổ các di tích được xếp hạng trên địa bàn huyện có tổng mức đầu tư là 4.500 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 3.200 triệu đồng, ngân sách huyện 1.300 triệu đồng.

(8) Nghị quyết về cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn huyện có tổng mức đầu tư là 29.224 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 26.873 triệu đồng, ngân sách xã, thị trấn 2.351 triệu đồng.

(9) Nghị quyết về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã có tổng mức đầu tư là 13.029 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 7.780 triệu đồng, ngân sách huyện 1.153 triệu đồng, ngân sách hợp tác xã 4.096 triệu đồng.

(10) Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 về quy định cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung có tổng mức đầu tư là 19.674 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 10.444 triệu đồng, ngân sách thị trấn 9.230 triệu đồng.

2. Khối lượng dự kiến đã thực hiện đến ngày 31/5/2025 :

Đến ngày 31/5/2025, khối lượng dự kiến đã thực hiện là 906.784 triệu đồng gồm ngân sách trung ương 79.011 triệu đồng, ngân sách tỉnh 523.795 triệu đồng, ngân sách huyện 260.666 triệu đồng và ngân sách xã, thị trấn, hợp tác xã là 43.313 triệu đồng, cụ thể như sau:

(1) Dự án đầu tư có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 482.449 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 314.310 triệu đồng, ngân sách huyện là 168.139 triệu đồng.

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 261.903 triệu đồng. Trong đó: ngân sách TW là 73.984 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 98.797 triệu đồng, ngân sách huyện là 58.341 triệu đồng, ngân sách xã là 30.781 triệu đồng.

(3) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 5.629 triệu đồng. Trong đó: ngân sách TW là 5.027 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 574 triệu đồng, ngân sách huyện là 28 triệu đồng.

(4) Đề án Xây dựng Trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 22.383 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 18.490 triệu đồng, ngân sách huyện là 3.893 triệu đồng.

(5) Đề án Kiên cố hoá hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 75.122 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 40.635 triệu đồng, ngân sách huyện là 26.422 triệu đồng, ngân sách xã là 8.065 triệu đồng.

(6) Nghị quyết về quy định chính sách, hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiết kiệm có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 11.898 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 8.838 triệu đồng, ngân sách huyện 2.690 triệu đồng, ngân sách xã 370 triệu đồng.

(7) Nghị quyết về quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, tu bổ các di tích được xếp hạng trên địa bàn huyện có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 0 triệu đồng.

(8) Nghị quyết về cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn huyện có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 25.170 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 25.170 triệu đồng.

(9) Nghị quyết về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 13.029 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 7.780 triệu đồng, ngân sách huyện 1.153 triệu đồng, ngân sách hợp tác xã 4.096 triệu đồng.

(10) Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 về quy định cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung có khối lượng dự kiến đã thực hiện là 9.200 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 9.200 triệu đồng.

3. Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ đến ngày 31/5/2025 :

Đến ngày 31/5/2025, tổng kế hoạch vốn đã phân bổ là 828.244 triệu đồng gồm ngân sách trung ương 79.011 triệu đồng, ngân sách tỉnh 532.406 triệu đồng, ngân sách huyện 204.172 triệu đồng và ngân sách xã, thị trấn, hợp tác xã là 12.656 triệu đồng, cụ thể như sau:

(1) Dự án đầu tư có kế hoạch vốn đã phân bổ là 445.692 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 311.909 triệu đồng, ngân sách huyện là 133.783 triệu đồng.

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 có kế hoạch vốn đã phân bổ là 224.078 triệu đồng. Trong đó: ngân sách TW là 73.984 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 98.797 triệu đồng, ngân sách huyện là 40.709 triệu đồng, ngân sách xã là 10.588 triệu đồng.

(3) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 có kế hoạch vốn đã phân bổ là 5.629 triệu đồng. Trong đó: ngân sách TW là 5.027 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 574 triệu đồng, ngân sách huyện là 28 triệu đồng.

(4) Đề án Xây dựng Trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam có kế hoạch vốn đã phân bổ là 33.132 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 29.929 triệu đồng, ngân sách huyện là 3.203 triệu đồng.

(5) Đề án Kiên cố hoá hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) có kế hoạch vốn đã phân bổ là 65.142 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 39.308 triệu đồng, ngân sách huyện là 23.766 triệu đồng, ngân sách xã là 2.068 triệu đồng.

(6) Nghị quyết về quy định chính sách, hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiết kiệm có kế hoạch vốn đã phân bổ là 11.297 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 8.838 triệu đồng, ngân sách huyện 2.458 triệu đồng, ngân sách xã 370 triệu đồng.

(7) Nghị quyết về quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, tu bổ các di tích được xếp hạng trên địa bàn huyện có kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đã phân bổ là 900 triệu đồng.

(8) Nghị quyết về cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn huyện có kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đã phân bổ là 25.170 triệu đồng.

(9) Nghị quyết về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã có kế hoạch vốn đã phân bổ là 8.005 triệu đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh 7.780 triệu đồng, ngân sách huyện 225,112 triệu đồng.

(10) Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 về quy định cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung có kế hoạch vốn ngân sách tỉnh đã phân bổ là 9.200 triệu đồng.

4. Tổng nợ xây dựng cơ bản đến ngày 31/5/2025 :

Đến ngày 31/5/2025, tổng nợ xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện (*không bao gồm phần ngân sách xã, thị trấn*) là 107.216 triệu đồng gồm ngân sách tỉnh 10.722 triệu đồng, ngân sách huyện 96.494 triệu đồng, cụ thể như sau:

(1) Dự án đầu tư có nợ xây dựng cơ bản là 43.751 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 9.395 triệu đồng, ngân sách huyện là 34.356 triệu đồng (*Tuy nhiên, có nguồn vốn phân bổ cho công trình Kè khẩn cấp sông Vu gia, khu vực thị trấn Ái Nghĩa và Kiên cố hóa đập Trà cân: ngân sách tỉnh phân bổ nhưng khối lượng thực hiện chưa hết; nguồn ngân sách tỉnh thiếu nằm ở công trình Đường giao thông từ ĐH3.ĐL đi trung tâm huyện Đại Lộc và Nhà làm việc HĐND và UBND huyện*).

(2) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 có nợ xây dựng cơ bản nguồn ngân sách huyện là 17.632 triệu đồng.

(3) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025: Không có nợ xây dựng cơ bản.

(4) Đề án Xây dựng Trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam có nợ xây dựng cơ bản nguồn ngân sách huyện là 690 triệu đồng.

(5) Đề án Kiên cố hoá hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) có nợ xây dựng cơ bản là 3.983 triệu đồng. Trong đó: ngân sách tỉnh là 1.327 triệu đồng, ngân sách huyện là 2.656 triệu đồng.

(6) Nghị quyết về quy định chính sách, hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiết kiệm có nợ xây dựng cơ bản nguồn ngân sách huyện là 232 triệu đồng.

(7) Nghị quyết về quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, tu bổ các di tích được xếp hạng trên địa bàn huyện: Không có nợ xây dựng cơ bản.

(8) Nghị quyết về cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn huyện: Không có nợ xây dựng cơ bản.

(9) Nghị quyết về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã có nợ xây dựng cơ bản nguồn ngân sách huyện là 928 triệu đồng.

(10) Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 về quy định cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung: Không có nợ xây dựng cơ bản.

(11) Ứng quỹ đầu tư phát triển tỉnh Quảng Nam: 40.000 đồng cho 02 công trình: Đường giao thông từ ĐH3.ĐL đi trung tâm huyện Đại Lộc là 30.000 triệu đồng và Đường tránh phía tây, huyện Đại Lộc: 10.000 triệu đồng.

5. Cơ sở nguồn lực đầu tư xây dựng cơ bản của huyện trong giai đoạn 2021-2025:

UBND huyện đã tổ chức rà soát lại nguồn lực theo tình hình thực tế hiện nay và khả năng cân đối vốn huyện trong các năm qua, dự kiến tổng nguồn thu của ngân sách huyện dành cho đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025 trước khi xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 là 784.719 triệu đồng, cụ thể như sau:

STT	Danh mục nguồn thu	Thành tiền (Triệu đồng)
	Tổng nguồn lực ngân sách huyện	784.719
1	12 lô Tái định cư T13	11.730
2	08 lô T13	15.600
3	05 lô biệt thự T13	18.720
4	02 lô QLTT (cũ)	893
5	03 lô Khu 2	900
6	Trường bổ túc cũ	7.062
7	Khu thương mại ngã 4 và bến xe	50.000
8	Khu dân cư Nông thôn mới xã Đại Đồng	70.000
9	Khu bố trí tái định cư kết hợp khai thác quỹ đất phục vụ công trình Đường từ Trung tâm hành chính huyện đi các xã ven sông Vu Gia (ĐH3)	90.000
10	Khu tái định cư kết hợp khai thác quỹ đất dọc tuyến Đường tránh phía Tây thị trấn Ái Nghĩa	96.495
11	Khu TĐC Cầu An Bình Đại Minh	9.574
12	Khu TĐC Cầu An Bình Đại Quang	5.293
13	Khu TĐC Cầu Sông Thu Đại Thắng	7.862

14	Khu TĐC ĐH3 Đại An	8.278
15	Khu TĐC Cầu Văn Ly	9.600
16	Khu TĐC TT Ái Nghĩa	28.800
17	Khu dân cư dọc tuyến Đường ĐH3 đi trung tâm hành chính huyện	120.000
18	Khu dân cư dọc Cầu An Bình, đoạn qua xã Đại Minh	112.912
19	Ứng vốn quỹ đầu tư	100.000

6. Đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được UBND huyện xây dựng trong bối cảnh thị trường bất động sản đang phát triển mạnh, giá đất tăng, lượng giao dịch bất động sản trên địa bàn lớn. Ngoài ra, trên địa bàn huyện Đại Lộc có nhiều dự án nhà ở thương mại đã được đăng ký danh mục và một số dự án đầu tư khai thác quỹ đất đã được HĐND tỉnh thông qua. Cùng với đó, các tài sản công trên địa bàn huyện đã có kế hoạch đấu giá. Vì thế trong cơ cấu nguồn vốn xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn lực được xác định chủ yếu từ nguồn khai thác quỹ đất.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề. Mặt khác, hình thức xử lý tài sản nhà, đất khi thực hiện sắp xếp lại: "Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất" đối với nhà, đất gặp một số khó khăn vướng mắc. Ngoài ra, các dự án nhà ở thương mại, khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện cũng đang gặp nhiều vướng mắc do công tác quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung xã, thị trấn chậm so với dự kiến, thị trường bất động sản giảm sút nghiêm trọng, khai thác quỹ đất rất khó khăn.

Mặc dù gặp những khó khăn, thách thức lớn nhưng nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy, HĐND huyện, sự cố gắng, nỗ lực của UBND huyện, các phòng, ban, ngành, các chủ đầu tư trong tổ chức triển khai, thực hiện nên công tác đầu tư công đến hiện nay trên địa bàn huyện đạt được những kết quả nhất định.

Trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2023, UBND huyện rút ra những ưu điểm, những hạn chế, như sau:

*** Ưu điểm:**

- Danh mục dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 chủ yếu là các công trình trường học, giao thông, hạ tầng kỹ thuật có tính kết nối, phục vụ cộng đồng, công trình bảo đảm xã hội, quản lý nhà nước, các dự án Khai thác quỹ đất tạo nguồn thu cho huyện. Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025 đã được kiểm soát chặt chẽ, đây là những công trình thật sự cần thiết, cấp bách, đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của địa phương. Còn lại là các công trình theo Đề án, Chương trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Về kết quả giải ngân qua từng năm trong giai đoạn 2021-2025:

+ Năm 2021: đã giải ngân 256.616/273.994 triệu đồng, đạt 93,39% so với kế hoạch.

+ Năm 2022: đã giải ngân 187.167/226.691 triệu đồng, đạt 82,57% so với kế hoạch.

+ Năm 2023: Đã giải ngân 204.181/230.927 triệu đồng, đạt 88,418% so với kế hoạch.

+ Năm 2024: Đã giải ngân đã giải ngân được 215.312/224.179 triệu đồng, đạt 96,04% so với kế hoạch, đứng đầu tỉnh về cấp huyện.

+ Đến ngày 31/5/2025: Đã giải ngân 82.242/185.553 triệu đồng, đạt 45,40% so với kế hoạch.

- Công tác đấu thầu qua mạng được thực hiện hiệu quả.
- Công tác lập báo cáo quyết toán đối với công trình đã nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng đảm bảo thời gian theo quy định.
- Công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện thực hiện tốt, đảm bảo bàn giao cho chủ đầu tư theo đúng tiến độ đề ra.

*** Một số tồn tại, hạn chế:**

Bên cạnh những ưu điểm, công tác đầu tư XD CB trên địa bàn huyện còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế. Cụ thể như sau:

- Do vướng công tác quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung của xã, thị trấn nên các dự án khai thác quỹ đất chưa thể triển khai, dẫn đến nguồn thu của huyện không đảm bảo thực hiện theo kế hoạch đề ra.
- Việc tuân thủ chế độ báo cáo tiến độ giải ngân, kết quả giải ngân, giám sát đầu tư XD CB ở các chủ đầu tư chưa nghiêm túc, chậm thời gian hoặc không thực hiện báo cáo dẫn đến công tác tổng hợp báo cáo, quản lý đầu tư XD CB trên địa bàn chưa kịp thời, đầy đủ. Hầu hết các chủ đầu tư không thực hiện báo cáo tình hình thực hiện và kết quả giải ngân theo định kỳ, không báo cáo vướng mắc kịp thời, không báo cáo đánh giá đầu tư XD CB.
- Một số chủ đầu tư còn thiếu trách nhiệm trong công tác tổ chức triển khai thực hiện đầu tư, chưa chủ động và có biện pháp quyết liệt để đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, lập hồ sơ thanh toán kịp thời dẫn đến tỷ lệ giải ngân thấp so với kế hoạch của huyện đề ra.
- Giám sát đầu tư của cộng đồng chưa được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo; một số dự án, chủ đầu tư không cung cấp, không đề nghị thành lập tổ giám sát cộng đồng, thành phần như quy định của pháp luật.
- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Việc xây dựng giá đất bồi thường cho người bị thu hồi đất thấp hơn giá thị trường, kế hoạch bố trí tái định cư cho các hộ dân trong phạm vi giải tỏa mặt bằng bị chậm trễ do các thủ tục triển khai xây dựng các khu tái định cư vướng

phải công tác lập và phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trước khi đầu tư xây dựng khu tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Nguồn vật liệu đất đắp đảm bảo chất lượng trên địa bàn huyện khan hiếm, thời gian chờ cấp giấy phép khai thác mỏ đất đắp kéo dài, đến thời điểm hiện nay trữ lượng mỏ đất khai thác mới được cấp phép nhưng trữ lượng đất đắp nền đường rất ít, giá đất đắp nền đường bán ra thị trường cao hơn rất nhiều so với giá đất đắp theo công bố giá của liên sở và giá dự toán được duyệt gây khó khăn cho dự án có khối lượng đất đắp nền đường lớn.

7. Kiến nghị, đề xuất xử lý nợ đọng XDCB trên địa bàn huyện:

Các công trình được đầu tư trên địa bàn huyện đa số là các công trình có nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ và thực hiện đầu tư theo Chương trình, Nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành; UBND huyện chỉ đầu tư một số công trình có quy mô nhỏ liên quan đến trường học, bảo đảm xã hội. Ngoài ra, cơ cấu nguồn vốn xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn lực được xác định chủ yếu từ nguồn khai thác quỹ đất. Tuy nhiên, đến nay các dự án khai thác quỹ đất của huyện đang trong giai đoạn triển khai thực hiện, sắp hoàn thành nên nguồn thu dự kiến nằm trong giai đoạn 2026-2030.

Do thực hiện sắp xếp chính quyền 02 cấp đến hết ngày 01/7/2025 nên huyện Đại Lộc không thể triển khai đấu giá các dự án khai thác quỹ đất, tạo nguồn thanh toán dứt điểm nợ xây dựng cơ bản theo kế hoạch. Từ thực tế trên, UBND huyện sẽ tổng hợp công nợ của huyện, báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính xem xét.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Đại Lộc về việc rà soát các Nghị quyết của HĐND huyện về đầu tư xây dựng cơ bản có liên quan đến nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021 – 2025, UBND huyện kính báo cáo HĐND huyện./. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Đặng Văn Kỳ

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

STT	Chương trình/Dự án	Tổng mức đầu tư					Khối lượng thực hiện đến ngày báo cáo					Kế hoạch vốn đã phân bổ					DVT: Triệu đồng Còn lại theo KH ĐTC 2021-2025 đã phê duyệt			
		Tổng	NSTW	NST	NSH	NSX	Tổng	NSTW	NST	NSH	NSX	Tổng	NSTW	NST	NSH	NSX	Tổng	NSTW	NST	NSH
	TỔNG CỘNG	1.721.956	80.095	690.298	885.571	65.991	906.784	79.011	523.795	260.666	43.313	828.244	79.011	532.406	204.172	12.656	107.216	0	10.722	96.494
(1)	Dự án	1.175.806	0	443.797	732.009	0	482.449		314.310	168.139		445.692		311.909	133.783		43.751		9.395	34.356
(2)	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	291.522	74.980	99.216	77.318	40.007	261.903	73.984	98.797	58.341	30.781	224.078	73.984	98.797	40.709	10.588	17.632	0	0	17.632
(3)	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	6.323	5.115	614	153	441	5.629	5.027	574	28		5.629	5.027	574	28		0	0	0	0
(4)	Đề án Xây dựng Trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Quảng Nam	71.717		47.932	23.785		22.383		18.490	3.893		33.132		29.929	3.203		690			690
(5)	Đề án Kiên cố hoá hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT)	96.665		40.770	46.399	9.496	75.122		40.635	26.422	8.065	65.142		39.308	23.766	2.068	3.983		1.327	2.656
(6)	Nghị quyết về quy định chính sách, hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiết kiệm	13.495		9.672	3.453	370	11.898		8.838	2.690	370	11.297		8.838	2.458		232		0	232
(7)	Nghị quyết về quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư, tu bổ di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	4.500		3.200	1.300		0					900		900			0		0	0
(8)	Nghị quyết về cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ và các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn huyện	29.224		26.873		2.351	25.170		25.170	-	-	25.170		25.170			0		0	0
(9)	Nghị quyết về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	13.029		7.780	1.153	4.096	13.029		7.780	1.153	4.096	8.005		7.780	225.112		928		0	928
(10)	Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 về quy định cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung	19.674		10.444		9.230	9.200		9.200			9.200		9.200			0		0	0
(11)	Ứng quỹ đầu tư tỉnh																40.000			40.000